TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Biện Hữu Tấn và bà Nguyễn Thị Quy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST/HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thóng Vẫn P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

(Anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-9-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn anh Thóng Vẫn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/3/2016, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân và đã nhiều

lần hàn gắn nhưng không được. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Phan Thị N.

Về con: Theo anh P, anh và chị N có 01 người con tên Thóng Gia H, sinh ngày 18/3/2018, hiện nay con chung đang sống cùng anh P. Khi ly hôn anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Theo anh P, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo anh P, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên anh P đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn chị Phan Thị N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh P, chị N, kết quả xác minh như sau:

Anh P và chị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có tổ chức đám cưới ở địa phương. Sai khi cưới nhau, vợ chồng anh P, chị N sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề tiền bạc, tính tình không hợp nhau, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Anh P, chị N có 01 nngười con chung Thóng Gia H, sinh ngày 18-3-2018, hiện nay đang sống cùng anh P, do anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho anh

Thóng Vẫn P được ly hôn với chị Phan Thị N. Về con: Đề nghị giao con chung Thóng Gia H, sinh ngày 18/3/2018 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án P: Anh P phải chịu án P theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Thóng Vẫn P khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị N và yêu cầu nuôi con chung, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị N có nơi cư trú tại: Ấp 2, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị N, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Vinh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/3/2016. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Nguyên đơn anh P yêu cầu ly hôn với lý do anh và chị N tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn chị N, nhưng chị N cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, chị N không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với anh P. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng anh P và chị N đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác

định, hôn nhân giữa chị anh P và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị N là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh P và chị N có 01 người con tên Thóng Gia H, sinh ngày 18-3-2018. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng anh P, do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao các con chung cho anh P được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh P không yêu cầu chị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án P: Anh P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó anh P phải nộp tiền án P dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P lệ P Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thóng Vẫn P, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với chị Phan Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thóng Vẫn P được ly hôn với chị Phan Thị N.

2. Về con: Giao con Thóng Gia H, sinh ngày 18-3-2018 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu.

Chị Phan Thị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Thóng Vẫn P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh P đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003769 ngày 11-10-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Anh P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Vinh, huyện Định Quán (GCNKH số 26/2016, ngày 19-3-2016) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường